TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2022/DS-PT
Ngày 14/9/2022
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung là QSD đất của hộ gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 201/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc: "Tranh chấp dân sự Chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất của hộ gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2022/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1971,
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1932.
Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Thanh N, sinh năm 1928 (chết 2021).
* *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N:*
1. Anh Lê Hồng N, sinh năm 1951;
Địa chỉ: số 311, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
2. Anh Lê Hồng N1, sinh năm 1962; địa chỉ: số 304C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Lê Thị Thuý D, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Số 71/10, đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh Lê Thành T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: 556, QL i, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1987, địa chỉ: số 04, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của NLQ1 là anh Phạm Văn H, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 479 ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho NLQ1 là Luật sư T, Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. NLQ2;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Đ, Chức vụ: C, Địa chỉ: QL i, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo*: NLQ1 là người liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Trước đây ông nội của chị là cụ Lê Văn T có để lại thừa kế cho ông Lê Thanh N (cha chị H) các thửa đất gồm: Thửa số 7, tờ bản đồ số 35 diện tích 900,9m^2 (*trong đó 600,9m^2 – CLN, 300m^2 – ONT*); thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18 diện tích 4.744,8m^2 (CLN); thửa số 81, tờ bản đồ số 18 diện tích 218,4m^2 (CLN); thửa 77, tờ bản đồ số 18 diện tích 315,3m^2 (CLN); đất được cấp quyền sử dụng (viết tắt QSD) cho ông Lê Thanh N năm 1991.

Đến năm 2011, ông N làm thủ tục cấp đổi QSD các thửa đất nêu trên thành đất của hộ gia đình. Trong hộ gồm: Ông Lê Thanh N (chủ hộ), bà Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Hồng H và Nguyễn Thị Huỳnh N. Như vậy, phần diện tích đất này mặc dù là của cha là Lê Thanh N được thừa kế từ cụ nội Lê Văn T, nhưng năm 2011 ông N đã làm thủ tục cấp đổi sang hộ gia đình đứng tên nên chị H yêu cầu ông N, bà M và chị N chia tài sản chung là QSD đất của hộ gia đình. Hiện ông Lê Thanh N đã chết (2021) nên chị H yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm: Anh Lê Hồng N, anh Lê Hồng N1, chị Lê Thị Thuý D, anh Lê Thành T cùng với bà Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh N có nghĩa vụ chia tài sản chung của hộ gia đình là các thửa đất nêu trên thành 04 phần bằng nhau mỗi người được một phần cụ thể: Tổng diện tích đất của 04 thửa trên theo đo đạc thực tế là 5.843m^2 (CLN) và 300m^2 (ONT).

Nay chị H yêu cầu chia phần đất cây lâu năm 5.843m^2 làm 4 phần mỗi phần được hưởng là 1.460,75m^2 (làm tròn là 1.460m^2). Phần đất chị H yêu cầu được quản lý sử dụng là tại một phần thửa đất 76, tờ bản đồ số 18 trong phạm vi các mốc B, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, A về B có diện tích 1.460m^2. Còn phần đất ở nông thôn thì chị H không yêu cầu chia.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị Huỳnh N do anh Nguyễn Tuấn A đại diện trình bày: Các thửa đất gồm:

Thửa số 7, tờ bản đồ số 35, diện tích 900,9m^2 (CLN);

Thửa 76, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.744,8m^2 (CLN);

Thửa 81, tờ bản đồ số 18 diện tích 218,4m^2 (CLN);

Thửa số 77, tờ bản đồ số 18 diện tích 315,3m^2 (CLN);

Nguồn gốc các thửa đất trên do ông N được thừa kế từ cha là cụ Lê Văn T, ngày 06/9/1991 cá nhân ông Lê Thanh N được cấp QSD phần đất này.

Đến năm 2011, không biết ai đã mạo danh ông N làm đơn cấp đổi lại giấy chứng nhận từ đất cấp cho cá nhân thành đất cấp cho hộ ông Lê Thanh N. Khi biết được sự việc ông N đã làm đơn khiếu nại, ngày 15/6/2018 Công an huyện L có thông báo số 04/TB-CAH-AN thông báo kết luận giám định số 225/KL-KTHS kết luận Chữ ký và chữ viết trong đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất được viết ngày 16/5/2011 không phải là của ông Lê Thanh N viết và ký. Từ trước đến nay ông N không có ý định nhập phần diện tích đất trên từ cá nhân sang cho hộ gia đình. Do vậy, phần các thửa đất trên là của cá nhân ông N, nên việc chị H cho rằng phần đất trên là của hộ gia đình và yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình các thửa đất trên thì bà M và chị N không đồng ý.

- Anh Lê Hồng N và Lê Hồng N1 có ý kiến tại văn bản ngày 26/4/2022 trình bày: Anh N, anh N1 là con của ông Lê Thanh N. Ông N là bị đơn trong vụ kiện tranh chấp chia tài sản chung với nguyên đơn là Lê Thị Hồng H. Quá trình Toà án giải quyết vụ kiện thì ông N chết (2021). Nay anh N, anh N1 đồng giao tài sản tranh chấp cho mẹ bà Lê Thị M quản lý, sử dụng và đứng tên phần tài sản này, vì đây là phần hương hoả không người con, cháu nào được đứng tên; người này không làm nữa thì giao lại cho người khác làm kể cả con cháu.

- Chị Lê Thị Thuý D và anh Lê Thành T có ý kiến tại văn bản ngày 27/4/2022 trình bày:

Chị D, anh T là con của ông Lê Thành N, là cháu nội của cụ Lê Thanh N. Cha, mẹ của chị D, anh T là ông Lê Thành N (chết 2009), mẹ Hứa Kim X (chết 2010). Ông N và bà X có 02 người con là chị D và anh T. Trong quá trình Toà án giải quyết thì ông N qua đời vào năm 2021 theo thông báo của Toà án thì chị D, anh T là người thừa kế tố tụng của ông N. Nay chị D, anh T đồng ý giao tài sản tranh chấp cho bà nội Lê Thị M quản lý sử dụng. Chị D, anh T không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Do bận công việc nên chị D, anh T xin được vắng mặt tại Toà án.

- *Người liên quan:*

+ NLQ1 trình bày: Chị Lê Thị Hồng H nợ chị M số tiền 150.000.000đồng nhưng chị H không tự nguyện thi hành án để trả nợ. Chị H có tài sản chung trong hộ gia đình của ông Lê Thanh N các thửa đất gồm:

Thửa 7, 76, 81, 77. Các thửa đất này được UBND huyện cấp cho hộ ông Lê Thanh N từ năm 2011 đây là tài sản chung của hộ gia đình ông N, bà M, trong đó có chị H theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai. Việc ông N làm thủ tục đổi giấy sang hộ gia đình đã thực hiện đúng thủ tục và ông N đã đồng ý việc đổi sang cho hộ gia đình nên những lần làm thủ tục liên quan đến diện tích đất này đều có chị H ký tên.

Nay chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là QSD đất của hộ gia đình là phù hợp, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H. Mặt khác, hiện nay ông N đã chết thì các tài sản là QSD đất sẽ được tiếp tục chia thừa kế theo pháp luật. Nay chị M đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật là phân chia các thửa đất trên cho chị H theo diện chia tài sản chung trong hộ gia đình, chị H được nhận một phần tài sản trong hộ mà ông N đại diện đứng tên theo yêu cầu chị H. Sau đó, lấy phần của ông N được chia theo hộ gia đình chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm: Bà Lê Thị M, Lê Thị Thuý D, Lê Thành T (ông N chết nên chia thừa kế thế vị của ông Lê Thành N), Lê Hồng N, Lê Hồng N1 và Lê Thị Hồng H. Như vậy, bà H sẽ được nhận và được chia tài sản là QSD đất trên theo hộ gia đình và thừa kế theo pháp luật.

- NLQ2 trình bày tại Công văn số 192/TB-CCTHADS ngày 24/3/2021: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho NLQ1 số tiền 150.000.000đồng và lãi chậm thi hành án. Qua xác minh được biết chị H và anh T không có tài sản riêng chỉ có tài sản chung là đất chung với hộ ông Lê Thanh N. NLQ2 đã nhiều lần yêu cầu hộ ông N tự thoả thuận phân chia hoặc yêu cầu Toà án phân chia theo quy định của pháp luật. Nay chị H đã khởi kiện đến Toà án yêu cầu chia tài sản chung theo thông báo số 28/TB-CCTHADS, ngày 16/02/2017 về việc tự xác định vị trí quyền sở hữu. Để tránh làm thiệt hại đối với người được thi hành án là bà NLQ1, NLQ2 thông báo đến Toà án nhân dân huyện L biết để có hướng giải quyết phù hợp quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án huyện L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.600.000đồng theo lai thu số 0013871 ngày 25/01/2021, tại NLQ2. Chị H được nhận lại số tiền là 8.300.000đồng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu số tiền xem xét, thẩm định và đo đạc là 11.198.000đồng; Số tiền này chị H đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 20/6/2022 người liên quan NLQ1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người liên quan NLQ1, đại diện ủy quyền ông Phạm Văn H thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chia tài sản chung là QSD đất do hộ ông Lê Thanh N đứng tên cho chị Lê Thị Hồng H; Rút 01 phần kháng cáo về việc Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/5/2011 của ông Lê Thanh N.

+ Người bảo vệ quyền lợi cho người liên quan NLQ1, yêu cầu chấp nhận kháng cáo của chị M, sửa án sơ thẩm chia tài sản chung là QSD đất hộ gia đình cho Lê Thị Hồng H.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người liên quan NLQ1, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến phát biểu đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quyền sử dụng (viết tắt QSD);
Quyền sở hữu (viết tắt QSH);

[1] Tố tụng: Ông Lê Thanh N là bị đơn trong vụ án. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm ông N chết, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa người kế thừa của ông N vào tham gia vụ án, ngoài các đương sự là Lê Hồng N, Lê Hồng N1, Lê Thị Thúy D, Lê Thành T thì còn có vợ Nguyễn Thị M và con Nguyễn Thị Huỳnh N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa vào. Tuy nhiên, bà M, chị N đã tham gia với tư cách bị đơn trong vụ án này; cho nên mặc dù Tòa sơ thẩm có thiếu sót nhưng thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án. Do vậy, chỉ cần nhận định để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm là đủ.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử người liên quan NLQ1 kháng cáo yêu cầu Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/5/2011 của ông Lê Thanh N. Ngày 12/9/2022 chị M có đơn và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của chị M xác nhận rút 01 phần kháng cáo, không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/5/2011 của ông Lê Thanh N. Xét việc rút 01 phần yêu cầu kháng cáo của chị M là tự nguyện và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà M về nội dung này.

[3] Người liên quan NLQ1 kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung là QSD đất do hộ ông Lê Thanh N đứng tên cho chị Lê Thị Hồng H. Xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Lê Văn T để thừa kế cho ông Lê Thanh N (cha chị H) gồm: Thửa số 7, tờ bản đồ số 35 diện tích 900,9m^2 (*trong đó 600,9m^2 – CLN, 300m^2 – ONT*); thửa đất số 76, tờ bản đồ số 18 diện tích 4.744,8m^2 (CLN); thửa số 81, tờ bản đồ số 18, diện tích 218,4m^2 (CLN); thửa 77, tờ bản đồ số 18 diện tích 315,3m^2 (CLN); đất cấp QSD cho cá nhân ông Lê Thanh N ngày 06/9/1991.

[3.2] Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện: Năm 2011 ông N lập thủ tục cấp đổi QSD các thửa đất trên từ cá nhân sang hộ gia đình. Những người trong hộ gia đình tại thời điểm này gồm ông Lê Thanh N, bà Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Hồng H và Nguyễn Thị Huỳnh N. Bị đơn bà M, chị Nhi không đồng ý đây là đất chung của hộ và không đồng ý chia; chị Lê Thị Hồng H, NLQ1 xác định là tài sản chung của hộ và yêu cầu chia cho chị H ¼ (đất CLN) = 1.460m^2 thuộc một phần thửa đất 76, tờ bản đồ số 18 nhưng không có căn cứ chứng minh.

Bởi lẽ, theo công văn số: 123/UBND-NC ngày 18/8/2021 của UBND huyện L xác định: Ngày 06/9/1991, UBND huyện T (nay là huyện L) cấp giấy QSD đất cho ông Lê Thanh N với diện tích 16.986m^2 gồm: Thửa 39a, 39b, 32, 33, 34 cùng tờ bản đồ số 1a và thửa 70, 321 cùng tờ bản số 1, giấy QSD đất số A 621009, số vào sổ 05084. Đến ngày 25/01/1996, ông N chuyển nhượng cho Phan Đức M một phần thửa 33, diện tích 493m^2 nên diện tích đất còn lại là 16.493m^2. Vào năm 1997, ông N thực hiện thủ tục điều chỉnh năm sinh do giấy chứng nhận ghi sai. Đến ngày 07/6/1997, UBND huyện L cấp QSD đất cho Lê Thanh N với diện tích đất 16.493m^2 gồm các thửa: 39a, 39b, 32, 33, 34 cùng tờ bản đồ số 1a và thửa 70, 32a cùng tờ bản đồ số 1. Như vậy, QSD đất nêu trên cấp vào năm 1991, diện tích 16.986m^2 là cấp cho ông Lê Thanh N; cấp năm 1997 diện tích 16.493m^2 cũng là cấp cho ông Lê Thanh N.

Ngày 16/5/2011, hộ ông Lê Thanh N làm đơn xin cấp đổi QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm các thửa 39a, 39b diện tích 1.825m^2 thành thửa số 7, tờ bản đồ số 35 diện tích là 900,9m^2. Thửa đất 32, 32a, 33, 34 cùng tờ bản đồ số 1a, diện tích 8.068m^2 thành thửa số 60, tờ bản đồ số 18 diện tích là 9.690m^2. Đổi thửa 70, tờ bản đồ số 1, diện tích 6.600m^2 thành thửa 108, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.409m^2. Theo hồ sơ cấp đổi QSD đất từ Lê Thanh N sang thành hộ ông Lê Thanh N đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp đổi.

[3.3] Tuy nhiên, tại Thông báo số 04/TB-CAHAN, ngày 15/8/2018 của Công an huyện L, thông báo kết luận giám định số: 225/KL-KTHS ngày 07/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp về trưng cầu giám định chữ ký của ông Lê Thanh N đối với đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ cá nhân sang hộ, kết luận: "*Chữ ký và chữ viết trong đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được viết ngày 16/5/2011 không phải là của ông Lê Thanh N viết và ký*". Do đó, hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Thanh N không đảm bảo đúng quy định nên không có căn cứ xác định các thửa đất số 7, tờ bản đồ số 35 diện tích 900,9m^2;

thửa đất 76, tờ bản đồ số 18 diện tích 4.744,8m^2; thửa số 81, tờ bản đồ số 18 diện tích 218,4m^2 và thửa 77, tờ bản đồ số 18 diện tích 315,3m^2 là tài sản chung của hộ gia đình gồm ông N, bà M, chị H, chị N.

[3.4] Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của chị M là ông Phạm Văn H yêu cầu thu thập chứng cứ là Hợp đồng tín dụng vay tiền của ông N để xác định khi vay tiền đã thế chấp QSD đất là của hộ ông Lê Thanh N. Xét thấy, QSD đất xác định cấp cho cá nhân ông Lê Thanh N như đã phân tích tại mục **[3],** cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M.

[3.5] Từ đó, không chấp nhận kháng cáo của NLQ1 yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình là QSD đất do ông Lê Thanh N đứng tên cho chị Lê Thị Hồng H. Án sơ thẩm xử là có căn cứ, nên giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án huyện L.

[4] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà NLQ1 phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của NLQ1 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Mịnh, sửa án sơ thẩm chia tài sản chung là QSD đất hộ gia đình cho bà H; đề nghị này không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà NLQ1, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của ội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NLQ1;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.600.000đồng theo biên lai thu số 0013871 ngày 25/01/2021, tại NLQ2. Chị H được nhận lại số tiền chênh lệch là 8.300.000đồng.

3. Chi phí tố tụng khác: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 11.198.000đồng, số tiền này chị H đã nộp và chi xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: NLQ1 phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008971 ngày 23/6/2022 của NLQ2 (*chị M đã nộp xong*).

5. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Nơi nhận*:
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND h. L;
- Chi cục THADS h. L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (*vh*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh